

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 53



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 415 tỷ VND, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty CII”). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 66,99%.

Tên Công ty viết tắt là: CII E&C.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CEE

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 156 Hoa Lan, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Phạm Vũ Thức	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Phùng Văn Hiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Ngô Đình Thành	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2019)

Ban Kiểm soát

Ông Lưu Hải Ca	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phùng Văn Hiến	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc và trở thành Tổng Giám đốc ngày 8 tháng 8 năm 2019)
Ông Ngô Đình Thành	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2019)
Ông Phạm Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc thường trực (bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2019)
Ông Trần Đình Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2019)
Ông Nguyễn Trường Thanh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 8 tháng 5 năm 2019)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 21 tháng 1 năm 2020, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội đã thông báo mua lại trước hạn trái phiếu HNHC_17 mà Công ty đang nắm giữ (đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2022) với giá trị 120 tỷ VND. Đến ngày 28 tháng 2 năm 2020, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội đã hoàn tất thực hiện việc mua lại trái phiếu này.

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Phùng Văn Hiến
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Số: 407/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2020, từ trang 5 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Tại thuyết minh Báo cáo tài chính riêng mục 5.5, Công ty theo dõi khoản phải thu đối với Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng SG số tiền 43.488.810.227 VND theo hợp đồng số 1a/HDCV ngày 2 tháng 1 năm 2018 với thời hạn 1 năm kể từ ngày nhận tiền nhằm hỗ trợ tăng nguồn lực tài chính, lãi suất 5%/năm và không có tài sản đảm bảo. Theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 24 tháng 12 năm 2018, Công ty có kế hoạch sáp nhập Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng SG - Công ty sở hữu 100% vốn, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng khoản phải thu trên sẽ được thu hồi được và bảo toàn vốn đầu tư.



M.S.D.N: 0101917917
CÔNG TY
TNHH
KIỂM TOÁN
CPA VIETNAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Phan Huy Thắng**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 13/2020/UQ-CPAVIETNAM ngày
26/03/2020 của Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Châm**Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2980-2019-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network**

TP. Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.681.788.429.295	1.410.002.553.804
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	79.499.531.006	28.000.366.689
1. Tiền	111		74.499.531.006	28.000.366.689
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		120.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	120.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		901.836.522.954	899.882.523.438
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	124.194.243.442	108.090.288.954
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	103.834.931.291	67.903.275.043
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	454.979.594.156	601.712.999.030
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6a	232.961.879.355	125.096.288.005
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(14.134.125.290)	(2.920.327.594)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	574.184.669.436	479.834.382.251
1. Hàng tồn kho	141		574.184.669.436	479.834.382.251
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.267.705.899	2.285.281.426
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9a	416.906.070	175.183.013
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.850.799.829	2.110.098.413

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		125.096.214.031	301.079.198.312
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		410.562.141	22.782.852.141
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6b	410.562.141	22.782.852.141
II. Tài sản cố định	220		12.265.354.457	29.342.699.224
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	12.179.786.431	10.610.514.675
- Nguyên giá	222		33.545.714.571	29.834.243.360
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.365.928.140)	(19.223.728.685)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.11	-	18.607.616.523
- Nguyên giá	225		-	25.421.636.347
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(6.814.019.824)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	85.568.026	124.568.026
- Nguyên giá	228		280.000.000	280.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(194.431.974)	(155.431.974)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.13	4.997.156.733	4.997.156.733
- Nguyên giá	231		5.836.987.368	5.836.987.368
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(839.830.635)	(839.830.635)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		105.000.000.000	232.610.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.14	115.000.000.000	112.610.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.14	(10.000.000.000)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	120.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.423.140.700	11.346.490.214
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9b	2.423.140.700	11.346.490.214
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.806.884.643.326	1.711.081.752.116

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.373.985.991.169	1.280.258.852.312
I. Nợ ngắn hạn	310		1.356.098.491.169	1.022.029.377.135
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	86.916.354.156	136.481.913.049
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	467.756.899.547	209.378.874.455
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	2.584.543.875	11.777.855.429
4. Phải trả người lao động	314		729.911.989	1.002.397.465
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	14.081.115.557	1.903.882.838
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	33.294.367.454	39.084.726.311
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20a	750.735.298.591	622.399.727.588
II. Nợ dài hạn	330		17.887.500.000	258.229.475.177
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20b	17.887.500.000	258.229.475.177
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		432.898.652.157	430.822.899.804
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.21	432.898.652.157	430.822.899.804
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		415.000.000.000	415.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.000.000.000	415.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		400.000.000	400.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(39.818.367.279)	(39.818.367.279)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.667.692.056	7.458.450.896
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		49.649.327.380	47.782.816.187
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		46.962.485.635	40.610.038.638
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		2.686.841.745	7.172.777.549
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.806.884.643.326	1.711.081.752.116

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc



Phùng Văn Hiền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2019	2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.22	409.804.719.512	597.331.046.213
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		27.305.124.815	3.560.385.682
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		382.499.594.697	593.770.660.531
4. Giá vốn hàng bán	11	5.23	360.422.298.678	559.555.773.452
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		22.077.296.019	34.214.887.079
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	97.511.479.214	72.077.587.874
7. Chi phí tài chính	22	5.25	88.725.610.598	64.943.400.132
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		75.967.870.598	64.935.477.677
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.26	22.723.347.268	18.953.164.772
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		8.139.817.367	22.395.910.049
11. Thu nhập khác	31	5.27	121.931.670	471.409.827
12. Chi phí khác	32	5.28	5.278.899.545	1.732.065.708
13. Lãi khác (40 = 31 - 32)	40		(5.156.967.875)	(1.260.655.881)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.982.849.492	21.135.254.168
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.29	296.007.747	13.962.476.619
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.686.841.745	7.172.777.549

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc



Phùng Văn Hiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		2.982.849.492	21.135.254.168
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02		4.830.479.835	6.202.260.662
Các khoản dự phòng	03		21.213.797.696	(212.143.016)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(95.922.321.781)	(72.197.715.821)
Chi phí lãi vay	06		75.967.870.598	64.935.477.677
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.072.675.840	19.863.133.670
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(149.582.272.245)	202.865.289.503
Tăng hàng tồn kho	10		(94.350.287.185)	(1.722.313.897)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		224.155.265.301	(51.866.785.439)
Giảm chi phí trả trước	12		8.681.626.457	3.144.695.976
Giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	161.001
Tiền lãi vay đã trả	14		(74.820.482.439)	(64.108.914.356)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.619.663.631)	(9.439.749.179)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	14.500.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(510.900.000)	(3.146.139.618)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(87.974.037.902)	95.603.877.661
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(207.747.045)	(487.524.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		10.995.454.544	1.436.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(679.579.201.758)	(878.224.801.406)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		836.506.368.999	474.085.992.434
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(65.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		90.502.710.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		67.342.021.653	75.095.476.667
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		260.559.606.393	(328.094.493.124)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2019	Năm 2018
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(39.818.367.279)
2. Tiền thu từ đi vay	33	6	517.732.173.330	1.624.752.878.541
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6	(629.540.773.751)	(1.370.197.835.800)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(9.277.803.753)	(9.080.565.118)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(40.637.485.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(121.086.404.174)	165.018.625.244
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		51.499.164.317	(67.471.990.219)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.1	28.000.366.689	95.472.356.908
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5.1	79.499.531.006	28.000.366.689

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Thị Bích Thảo

Bùi Xuân Phước

Phùng Văn Hiến

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 415 tỷ VND, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty CII”). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 66,99%.

Tên Công ty viết tắt là: CII E&C.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CEE.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 156 Hoa Lan, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 55 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 là 86 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng B.O.T; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; công trình công ích; cho thuê máy móc, thiết bị; khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; sản xuất bê tông và các thành phẩm từ xi măng, thạch cao; tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; sản xuất vật liệu xây dựng, gia công dầm cầu thép, cầu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác; sửa chữa máy móc, thiết bị thi công; phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là thi công xây lắp, mua bán vật tư xây dựng, cho thuê máy móc thiết bị.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4. Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐQT về việc tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi lên 75.000.000.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã góp đủ vốn tăng thêm vào công ty con này.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ 7.800.000 cổ phần đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia với tổng giá trị là 80.640.000.000 VND.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, Công ty đã chuyển nhượng thành công toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C với tổng giá trị là 9.862.710.000 VND.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**1.5. Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đầu tư vào các công ty con như sau:

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Hoạt động chính
		lợi ích (%)	quyền biểu quyết (%)	
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
2. Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

(Trước đây là Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C)

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền

Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn từ sau ngày mua được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi và các khoản lợi ích khác mà Công ty được hưởng trước khi nắm giữ khoản đầu tư được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác trước ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được xem như phân thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các khoản đầu tư này có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính riêng. Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý, việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu về cho vay là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư 147/2016/TT-BTC hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi Thông tư 45/2013/TT-BTC về trích khấu hao tài sản cố định hiệu lực từ 28/11/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ, quản lý, sử dụng, và trích khấu hao TSCĐ.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Nguyên tắc kế toán tài sản thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu trị giá này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng Cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập Báo cáo tài chính riêng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của một hoặc nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các khoản chi phí trả trước khác... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế toán tiếp theo từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và tại thời điểm chốt danh sách cổ đông của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	7.169.079	3.879.673.322
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	74.492.361.927	24.120.693.367
Các khoản tương đương tiền (i)	5.000.000.000	-
Cộng	79.499.531.006	28.000.366.689

(i) Số dư các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng.

5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Trái phiếu HNHC_17	120.000.000.000	120.000.000.000	-	-

Ngày 19 tháng 5 năm 2017, Công ty đã mua trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội với tổng giá trị là 120.000.000.000 VND bao gồm 120 trái phiếu, mệnh giá mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND, kỳ hạn trái phiếu là 5 năm (đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2022) theo lãi suất thả nổi, 3 tháng điều chỉnh 1 lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho cá nhân được công bố bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam + biên độ 3.2%/năm. Giấy chứng nhận trái phiếu đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (chi tiết xem tại thuyết minh số 5.20).

Đến ngày 28 tháng 2 năm 2020, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội đã hoàn tất việc mua lại trước hạn trái phiếu này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Bên liên quan	27.745.381.657	16.049.326.904
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	19.715.924.193	-
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	4.663.620.000	4.081.960.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	2.890.141.274	1.776.435.012
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	475.696.190	475.696.190
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	-	8.969.803.175
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG	-	734.100.000
Công ty CII	-	11.332.527
Đối tượng khác	96.448.861.785	92.040.962.050
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	37.609.753.109	27.622.300.871
Công ty TNHH Xây dựng Nền móng Tam Đạt	13.395.976.141	1.967.686.141
Ban Quản lý Dự án đường Hồ Chí Minh	10.683.373.802	14.683.373.802
Công ty Cổ phần Big Gate	5.033.168.799	13.033.168.799
Các đối tượng khác	29.726.589.934	34.734.432.437
Cộng	124.194.243.442	108.090.288.954

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Bên liên quan	5.354.090.863	35.550.000
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	5.354.090.863	-
Công ty CII B&R	-	35.550.000
Đối tượng khác	98.480.840.428	67.867.725.043
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C	55.898.872.497	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 515	10.890.878.527	10.000.000.000
Các đối tượng khác	31.691.089.404	57.867.725.043
Cộng	103.834.931.291	67.903.275.043

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Bên liên quan	328.337.651.001	385.512.447.840
Công ty CII (i)	284.848.840.774	249.786.185.185
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG (ii)	43.488.810.227	106.814.000.000
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	-	28.912.262.655
Đối tượng khác	126.641.943.155	216.200.551.190
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành (iii)	74.808.994.476	84.695.552.109
Công ty Cổ phần Teracons	6.335.094.518	53.853.894.432
Các đối tượng khác	45.497.854.161	77.651.104.649
Cộng	454.979.594.156	601.712.999.030

(i) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 41/2016 ngày 21 tháng 10 năm 2016 và hợp đồng hợp tác kinh doanh số 302/2018/HĐ-CII ngày 2 tháng 7 năm 2018 nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh, tối ưu hóa nguồn lực tài chính với tổng hạn mức 500 tỷ VND và có lãi suất lần lượt là 10%/năm và 8,5%/năm.

(ii) Khoản phải thu về cho vay theo hợp đồng số 1a/HĐCV ngày 2 tháng 1 năm 2018 với thời hạn 1 năm kể từ ngày nhận tiền nhằm hỗ trợ tăng nguồn lực tài chính, lãi suất 5%/năm và không có tài sản bảo đảm. Theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 24 tháng 12 năm 2018, Công ty có kế hoạch sáp nhập Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng SG nên Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng

(iii) Đây là khoản phải thu liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh số 08/HĐHT/2018 ngày 29 tháng 6 năm 2018 với Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành, hai bên thỏa thuận đảm bảo, đồng ý cho Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư Lâm Viên sử dụng số tiền ở tài khoản giao dịch chứng khoán với lãi suất 10,5%/năm. Thời hạn hợp đồng là 12 tháng và đã được gia hạn đến ngày 29 tháng 6 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.6. Phải thu khác**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng vốn cho các đội thi công các công trình xây dựng	195.544.741.474	72.622.146.262
Phải thu về lãi trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	19.112.699.988	25.510.484.788
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	8.558.525.800	10.077.755.806
Các khoản chi hộ	6.778.769.409	10.301.200.718
Phải thu người lao động	820.409.787	947.700.764
Góp vốn hợp tác kinh doanh	711.872.739	711.872.739
Ký cược, ký quỹ	288.223.999	2.370.482.599
Các khoản phải thu khác	1.146.636.159	2.554.644.329
	232.961.879.355	125.096.288.005
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	410.562.141	22.782.852.141
	410.562.141	22.782.852.141
Cộng	233.372.441.496	147.879.140.146
Trong đó, phải thu các bên liên quan:		
Lãi trái phiếu và lãi cho vay	13.115.876.034	15.376.377.929
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	7.733.333.334	7.566.666.667
Công ty CII	3.721.511.754	3.564.424.372
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG	1.661.030.946	2.783.611.390
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	-	1.461.675.500
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	1.271.937.188	4.399.529.913
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	1.271.937.188	3.731.955.204
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG	-	667.574.709
Các khoản chi hộ	-	10.010.814
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	-	10.010.814
Cộng phải thu các bên liên quan	14.387.813.222	19.785.918.656

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Nội dung	31/12/2019		01/01/2019	
	Nợ gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Nợ gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.501.065.131	-	2.551.503.611	50.438.480
Trả trước cho nhà cung cấp	787.642.437	60.498.669	419.262.463	-
Phải thu ngắn hạn khác	30.604.467.452	19.698.551.061	-	-
Cộng	33.893.175.020	19.759.049.730	2.970.766.074	(2.920.327.594)

5.8. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	25.388.721.585	-	25.394.252.494	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	530.665.455.117	-	454.440.129.757	-
Công trình thi công mở rộng Xa lộ Hà Nội	262.324.171.410	-	226.039.054.323	-
Công trình thi công đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	183.803.300.694	-	158.895.045.242	-
Công trình thi công hạ tầng khu đô thị Thủ Thiêm	31.696.734.031	-	15.961.428.548	-
Công trình thi công xây dựng Quốc Lộ 60, giai đoạn 2	8.399.926.986	-	18.834.155.739	-
Các công trình khác	44.441.321.996	-	34.710.445.905	-
Hàng hóa	18.130.492.734	-	-	-
Cộng	574.184.669.436	-	479.834.382.251	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí trả trước**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	79.339.680
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	62.843.333
Các khoản chi phí khác	416.906.070	33.000.000
	416.906.070	175.183.013
b. Dài hạn		
Chi phí làm đường công vụ thực hiện dự án	754.672.833	5.282.709.830
Chi phí thiết kế, thi công văn phòng Công ty	845.600.863	4.259.305.870
Các khoản chi phí khác	822.867.004	1.804.474.514
	2.423.140.700	11.346.490.214
Cộng	2.840.046.770	11.521.673.227

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.10. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2019	17.546.335.908	11.491.607.452	796.300.000	29.834.243.360
Mua lại tài sản thuê tài chính	25.518.474.347	-	-	25.518.474.347
Thanh lý, nhượng bán	(19.079.396.707)	(2.727.606.429)	-	(21.807.003.136)
Tại ngày 31/12/2019	23.985.413.548	8.764.001.023	796.300.000	33.545.714.571

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2019	12.047.581.791	6.606.124.389	570.022.505	19.223.728.685
Khấu hao trong năm	1.682.687.741	961.570.323	53.909.998	2.698.168.062
Mua lại tài sản thuê tài chính	8.907.331.597	-	-	8.907.331.597
Thanh lý, nhượng bán	(6.735.693.775)	(2.727.606.429)	-	(9.463.300.204)
Tại ngày 31/12/2019	15.901.907.354	4.840.088.283	623.932.503	21.365.928.140

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2019	5.498.754.117	4.885.483.063	226.277.495	10.610.514.675
Tại ngày 31/12/2019	8.083.506.194	3.923.912.740	172.367.497	12.179.786.431

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 10.762.797.931 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 là 12.887.797.931 VND).

Công ty đã sử dụng một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long. Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản được thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 lần lượt là 7.322.501.338 VND và 3.191.072.285 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 lần lượt là 6.684.580.652 VND và 1.328.753.959 VND) (chi tiết xem tại thuyết minh số 5.20)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CHI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.11. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc thiết bị
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2019	25.421.636.347
TSCĐ thuê tài chính được mua lại	(25.421.636.347)
Tại ngày 31/12/2019	<u><u>-</u></u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2019	6.814.019.824
Khấu hao trong năm	2.093.311.773
TSCĐ thuê tài chính được mua lại	(8.907.331.597)
Tại ngày 31/12/2019	<u><u>-</u></u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2019	18.607.616.523
Tại ngày 31/12/2019	<u><u>-</u></u>

5.12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2019	280.000.000
Tại ngày 31/12/2019	<u><u>280.000.000</u></u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2019	155.431.974
Khấu hao trong năm	39.000.000
Tại ngày 31/12/2019	<u><u>194.431.974</u></u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2019	124.568.026
Tại ngày 31/12/2019	<u><u>85.568.026</u></u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 160.000.000 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 là 60.000.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.13. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2019	5.836.987.368
Tại ngày 31/12/2019	<u>5.836.987.368</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2019	839.830.635
Tại ngày 31/12/2019	<u>839.830.635</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2019	4.997.156.733
Tại ngày 31/12/2019	<u>4.997.156.733</u>

Bất động sản đầu tư là giá trị đất tại địa chỉ số 29/3, đường D2, Phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay đổi tên là đường Nguyễn Gia Trí). Lô đất có thời hạn sử dụng là 50 năm, sẽ hết hạn sử dụng vào ngày 19 tháng 1 năm 2056 theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (*chi tiết xem tại thuyết minh số 5.20*).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Tuy nhiên, căn cứ vào giá thị trường của những tài sản tương đương và cùng vị trí địa lý của lô đất mà Công ty đang sở hữu, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của tài sản vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÁN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.14. Đầu tư vào công ty con

	31/12/2019		01/01/2019					
	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	-	105.000.000.000	-	(i)	-	40.000.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG	-	10.000.000.000	(10.000.000.000)	(i)	-	10.000.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia	-	-	-	-	7.800.000	55.200.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C	-	-	-	-	-	7.410.000.000	-	(i)
Cộng	-	115.000.000.000	(10.000.000.000)	(i)	7.800.000	112.610.000.000	-	(i)

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính do các công ty con này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời do các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Bên liên quan	10.700.124.601	10.700.124.601	66.037.151.389	66.037.151.389
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG	5.151.933.501	5.151.933.501	60.763.306.389	60.763.306.389
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	548.191.100	548.191.100	273.845.000	273.845.000
Đối tượng khác	76.216.229.555	76.216.229.555	70.444.761.660	70.444.761.660
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Phú Thành	11.139.458.064	11.139.458.064	54.811.986	54.811.986
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	10.012.726.949	10.012.726.949	3.887.092.924	3.887.092.924
Các đối tượng khác	55.064.044.542	55.064.044.542	66.502.856.750	66.502.856.750
Cộng	86.916.354.156	86.916.354.156	136.481.913.049	136.481.913.049

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Bên liên quan	467.337.072.605	207.853.546.096
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	272.267.900.969	17.574.825.800
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	150.905.458.937	176.570.440.128
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	25.755.315.918	6.722.086.502
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	13.445.460.864	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy - Chi nhánh Quảng Ngãi	4.600.588.025	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	362.347.892	362.347.892
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	6.623.845.774
Đối tượng khác	419.826.942	1.525.328.359
Cộng	467.756.899.547	209.378.874.455

5.17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.412.345.149	848.554.547	563.790.602
Thuế TNDN	10.619.663.631	296.007.747	10.619.663.631	296.007.747
Thuế thu nhập cá nhân	1.158.191.798	1.955.411.872	1.388.858.144	1.724.745.526
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản khác	-	441.561.270	441.561.270	-
Cộng	11.777.855.429	4.108.326.038	13.301.637.592	2.584.543.875

5.18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình	12.106.084.006	-
Chi phí lãi vay phải trả	1.975.031.551	1.726.105.060
Các khoản khác	-	177.777.778
Cộng	14.081.115.557	1.903.882.838

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.19. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Các khoản thu hộ	27.568.702.172	15.949.429.208
Phải trả các đội giao khoán thi công các công trình xây dựng	3.491.685.868	11.402.489.688
Phải trả chi phí sử dụng vốn	1.254.111.110	1.244.782.308
Phải trả về mua cổ phần	410.000.000	410.000.000
Các khoản phải trả khác	569.868.304	10.078.025.107
Cộng	33.294.367.454	39.084.726.311
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan:</i>		
Lãi vay phải trả Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.184.666.666	203.608.333
Phải trả các khoản thu hộ cho Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG	-	73.111.983
Cộng	1.184.666.666	276.720.316

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

	31/12/2019		01/01/2019	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND
5.20. Vay và nợ thuê tài chính				
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn				
Vay ngắn hạn	496.298.722.591	496.298.722.591	568.844.673.330	617.914.823.012
Các khoản vay bên liên quan	8.000.000.000	8.000.000.000	49.650.384.766	133.814.990.396
Ngân hàng BIDV - CN Vĩnh Long	212.397.032.591	212.397.032.591	229.842.091.564	282.146.361.728
Ngân hàng HD Bank - Trung tâm Kinh doanh	150.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000	-
Ngân hàng VCB - CN TP. Hồ Chí Minh	-	-	44.528.300.000	69.896.000.263
Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 11	-	-	94.823.897.000	6.155.780.625
Các khoản vay của các cá nhân	125.901.690.000	125.901.690.000	-	125.901.690.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	254.436.576.000	254.436.576.000	-	4.484.904.576
Cộng các khoản vay ngắn hạn	750.735.298.591	750.735.298.591	568.844.673.330	622.399.727.588

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)	31/12/2019		01/01/2019			
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Các khoản vay khác						
Các khoản vay của cá nhân	272.324.076.000	272.324.076.000	18.887.500.000	-	253.436.576.000	253.436.576.000
Nợ thuê tài chính dài hạn						
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc Tế VN	-	-	-	9.277.803.753	9.277.803.753	9.277.803.753
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(254.436.576.000)	(254.436.576.000)	-	-	(4.484.904.576)	(4.484.904.576)
Cộng các khoản phải trả sau 12 tháng	17.887.500.000	17.887.500.000	18.887.500.000	9.277.803.753	258.229.475.177	258.229.475.177
Tổng cộng vay và nợ thuê tài chính	768.622.798.591	768.622.798.591			880.629.202.765	880.629.202.765
<i>Trong đó, số dư nợ vay các bên liên quan:</i>						
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	8.000.000.000	8.000.000.000	22.000.000.000	19.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương- Mỹ Thuận	-	-	27.650.384.766	156.465.375.162	128.814.990.396	128.814.990.396
Cộng	8.000.000.000	8.000.000.000	49.650.384.766	175.465.375.162	133.814.990.396	133.814.990.396

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HÀ TẶNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)*****Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuê tài chính***

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo và các thông tin khác
<u>Ngân hàng</u> Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	212.397.032.591	8 tháng	7,9 - 8,6%	Bổ sung vốn lưu động.	- Quyền sử dụng đất tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh (nay đổi tên là đường Nguyễn Gia Trí); - Hệ thống đúc hàng; - Xe ô tô Toyota Camry 51F-827.78; - Xe ô tô Toyota Land Cruiser 51G-337.79; - Quyền đòi nợ các khoản phải thu đã thế chấp với ngân hàng; - 30.000.000 cổ phiếu LGC do Công ty mẹ (CII) sở hữu; - Trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội phát hành ngày 19/05/2017 cho Công ty trị giá 120 tỷ đồng.
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm Kinh doanh	150.000.000.000	12 tháng	10,0%	Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội thực hiện dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1.	15.000.000 cổ phiếu LGC do Công ty mẹ (CII) sở hữu.
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	8.000.000.000	12 tháng	9,22 - 9,35%	Bổ sung vốn thi công công trình xây dựng mở rộng Quốc lộ 60, tỉnh Bến Tre	Vay tín chấp.
Các khoản vay các cá nhân	125.901.690.000	12 tháng	8,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Vay tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo và các thông tin khác
Các khoản vay cá nhân	272.324.076.000	24 tháng	8,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Vay tín chấp.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	254.436.576.000	4.484.904.576
Trong năm thứ hai	17.887.500.000	258.229.475.177
	272.324.076.000	262.714.379.753
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(254.436.576.000)	(4.484.904.576)
Số phải trả sau 12 tháng	17.887.500.000	258.229.475.177

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2018	415.000.000.000	400.000.000	-	6.555.530.896	44.221.718.638	466.177.249.534
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	7.172.777.549	7.172.777.549
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(39.818.367.279)	-	-	(39.818.367.279)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.708.760.000)	(2.708.760.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	902.920.000	(902.920.000)	-
Tại ngày 01/01/2019	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	7.458.450.896	47.782.816.187	430.822.899.804
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.686.841.745	2.686.841.745
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(251.089.392)	(251.089.392)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	209.241.160	(209.241.160)	-
Trích thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(360.000.000)	(360.000.000)
Tại ngày 31/12/2019	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	7.667.692.056	49.649.327.380	432.898.652.157

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.21. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	31/12/2019		01/01/2019	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Công ty CII	66,99%	264.593.920.000	54,97%	217.151.120.000
Các cổ đông khác	33,01%	130.406.080.000	45,03%	177.848.880.000
Cộng	100%	395.000.000.000	100%	395.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	41.500.000	41.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	(2.000.000)	(2.000.000)
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(2.000.000)	(2.000.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.500.000	39.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39.500.000	39.500.000
Mệnh giá: 10.000 VND/Cổ phiếu		

d. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 22 tháng 4 năm 2019, phương án chi trả cổ tức năm 2017 đã được phê duyệt tại Đại hội cổ đông trước với giá trị là 20.750.000.000 VND đã bị hủy bỏ. Bên cạnh đó, cổ tức năm 2018 tạm thời không chi trả và toàn bộ lợi nhuận của năm 2018 được giữ lại nhằm bổ sung vốn chủ sở hữu phục vụ hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	339.896.684.456	520.615.490.597
Doanh thu bán hàng	64.700.433.512	62.717.561.631
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	5.076.468.968	13.997.993.985
Doanh thu khác	131.132.576	-
Cộng	409.804.719.512	597.331.046.213
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán trả lại	(27.305.124.815)	(3.560.385.682)
Doanh thu thuần	382.499.594.697	593.770.660.531

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (tiếp theo)

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<i>Trong đó, doanh thu thuần phát sinh với các bên liên quan:</i>		
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu: <i>Khối lượng thi công dự án QL 60</i>	129.590.801.438	183.798.457.091
Công ty TNHH BOT Trung Lương <i>Mỹ Thuận: Khối lượng thi công dự án Trung Lương Mỹ Thuận</i>	83.678.048.182	58.824.976.364
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm: <i>Khối lượng thi công gói xây lắp và khu nhà ở thuộc dự án Thủ Thiêm</i>	64.523.155.573	108.651.475.782
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội: <i>Khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội</i>	25.149.982.901	132.883.824.430
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG: <i>Khối lượng thi công xây lắp và duy tu hệ thống chiếu sáng công trình DT 741</i>	20.249.204.742	7.468.968.330
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy - Chi nhánh Quảng Ngãi: <i>Khối lượng thi công dự án Khu dân cư Sơn Tịnh</i>	3.365.775.504	-
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi: <i>Cho thuê thiết bị</i>	1.458.327.272	1.654.981.819
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG: <i>Doanh thu cho thuê thiết bị</i>	667.363.636	2.669.454.541
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C: <i>Doanh thu cho thuê thiết bị và bán vật tư</i>	639.409.092	9.031.382.527
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu: <i>Khối lượng thi công công trình dự án Cầu Ông Dầu</i>	-	4.099.084.461
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng tỉnh Ninh Thuận: <i>Khối lượng thi công công trình Ninh Thuận</i>	-	(1.493.306.260)
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia: <i>Doanh thu cho thuê thiết bị</i>	-	36.272.727
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận: <i>Điều chỉnh giảm khối lượng thi công công trình mở rộng tuyến tránh Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận - giai đoạn 2 và công trình Trạm thu phí Cà Ná</i>	(683.458.382)	(8.229.800.195)
Cộng	328.638.609.958	499.395.771.617

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.23. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn từ hoạt động xây dựng	319.754.369.573	494.539.099.958
Giá vốn hàng đã bán	37.488.970.902	59.157.175.949
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	3.109.834.227	5.859.497.545
Giá vốn khác	69.123.976	-
Cộng	<u>360.422.298.678</u>	<u>559.555.773.452</u>

5.24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay và lãi trái phiếu	57.305.889.307	55.739.818.455
Lãi từ chuyển nhượng, thanh lý công ty con	27.892.710.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.240.299.907	16.337.769.419
Doanh thu hoạt động tài chính khác	72.580.000	-
Cộng	<u>97.511.479.214</u>	<u>72.077.587.874</u>

Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh với bên liên quan:

Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.240.299.907	16.337.769.419
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia	9.360.000.000	10.920.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C	1.608.362.719	4.750.194.710
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	1.271.937.188	-
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG	-	667.574.709
Lãi tiền cho vay	27.101.611.199	29.477.211.619
Công ty CII	23.744.001.970	25.231.924.729
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG	2.996.205.946	2.783.611.390
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	361.403.283	1.461.675.500
Lãi trái phiếu	13.132.132.420	12.166.666.667
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	12.166.666.667	12.166.666.667
Công ty CII	965.465.753	-
Cộng	<u>52.474.043.526</u>	<u>57.981.647.705</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.25. Chi phí tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	75.189.111.605	63.652.697.008
Lãi phải trả nợ thuê tài chính	778.758.993	1.282.780.669
Phí cam kết rút vốn vay	2.750.000.000	-
Dự phòng đầu tư vào công ty con	10.000.000.000	-
Chi phí tài chính khác	7.740.000	7.922.455
Cộng	88.725.610.598	64.943.400.132

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh với bên liên quan:

Chi phí lãi vay Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	3.219.310.262	7.097.290.196
Chi phí lãi vay Công ty CII	1.183.591.526	8.224.754.963
Chi phí lãi vay Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.206.193.056	248.655.555
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	194.684.932	-
Cộng	5.803.779.776	15.570.700.714

5.26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.117.305.638	11.026.295.782
Chi phí đồ dùng văn phòng	637.948.800	51.242.065
Chi phí khấu hao tài sản cố định	810.755.322	827.321.151
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	-
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	11.213.797.696	(212.143.016)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.116.710.989	7.031.486.498
Chi phí bằng tiền khác	822.828.823	228.962.292
Cộng	22.723.347.268	18.953.164.772

Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh với bên liên quan:

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	35.500.000	-
--------------------------------------	------------	---

5.27. Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	120.127.947
Các khoản thu nhập khác	121.931.670	351.281.880
Cộng	121.931.670	471.409.827

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**5.28. Chi phí khác**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thiết kế, thi công văn phòng	3.107.504.384	-
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	1.589.157.433	-
Tiền chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	441.561.270	1.560.436.162
Các khoản chi phí khác	140.676.458	171.629.546
Cộng	5.278.899.545	1.732.065.708

5.29. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.982.849.492	21.135.254.168
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(12.240.299.907)	(16.337.769.419)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	10.737.489.148	48.300.833.254
Thu nhập chịu thuế	1.480.038.733	53.098.318.003
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	296.007.747	10.619.663.600
Thuế TNDN năm trước bổ sung	-	3.342.813.019
Chi phí thuế TNDN hiện hành	296.007.747	13.962.476.619

Tháng 12 năm 2019, Chính Phủ đã công bố dự thảo sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 8 của NĐ 20/2017/NĐ-CP (“NĐ 20”) ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2017 của Chính Phủ về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết và áp dụng cho năm tài chính 2019. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nghiên cứu các bất cập của NĐ 20, các ý kiến chỉ đạo của Chính Phủ và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, Công ty tin tưởng rằng dự thảo sửa đổi chắc chắn sẽ được thông qua. Do đó, Công ty quyết định áp dụng điều khoản sửa đổi này khi xác định lãi vay được trừ khi quyết toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm.

5.30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	97.011.533.368	200.856.111.279
Chi phí nhân công	15.153.663.690	45.776.957.895
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.830.479.836	6.391.416.912
Chi phí dự phòng	11.213.797.696	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	252.390.930.972	325.622.580.477
Chi phí bằng tiền khác	2.545.240.384	228.962.292
Cộng	383.145.645.946	578.876.028.855

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Số tiền vay thực nhận trong năm		
Tiền vay ngân hàng, tổ chức và cá nhân khác theo kế ước thông thường	468.081.788.564	959.321.950.083
Tiền vay các bên liên quan của Công ty trong tập đoàn	49.650.384.766	665.430.928.458
Cộng	517.732.173.330	1.624.752.878.541
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Hoàn trả nợ gốc vay ngân hàng, tổ chức và cá nhân khác theo kế ước thông thường	444.995.398.589	847.661.897.738
Trả nợ gốc vay các bên liên quan của Công ty trong tập đoàn	184.545.375.162	522.535.938.062
Cộng	629.540.773.751	1.370.197.835.800

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan

<u>Danh sách bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII")	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG (Trước đây là Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C)	Công ty con
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia	Công ty con (đã thanh lý trong năm)
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C	Công ty con (đã thanh lý trong năm)
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên doanh của tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.1. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở các thuyết minh trên, trong năm, công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Công ty CII		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	529.620.000.000	1.381.491.506.849
Hoàn trả tiền hỗ trợ vốn	302.872.947.317	893.237.868.587
Thanh toán chi phí sử dụng vốn	577.058.377	2.762.131.413
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	615.267.994.306	699.904.635.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	356.458.286.034	159.439.001.611
Công ty mẹ thanh toán chi phí sử dụng vốn	20.957.179.719	26.560.998.389
Lãi trái phiếu nhận được trong năm	965.465.753	-
Cổ tức đã trả cho công ty mẹ trong năm	-	21.165.112.000
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG		
Thanh toán tiền mua hàng trong năm	149.778.283.459	275.688.111.143
Nhận lại tiền mua hàng trong năm	104.850.000.000	133.787.100.000
Nhập kho vật tư trong năm	20.359.138.327	149.306.407.473
Chi phí gia công đá Granite	-	1.304.188.002
Vật tư trả lại trong năm	-	2.936.207.782
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi		
Góp vốn trong năm	65.000.000.000	-
Chi phí thi công dự án Sơn Tịnh	3.332.117.749	-
Tạm ứng và thanh toán chi phí thi công	9.019.420.387	-
Thu hồi tiền cho vay	28.912.262.655	-
Thu tiền từ lợi nhuận được chia	3.731.955.204	-
Thu tiền lãi cho vay	1.833.089.597	-
Thu tiền cho thuê thiết bị	1.022.500.000	-
Bán tài sản cố định	-	350.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C (tính đến thời điểm thanh lý công ty con)		
Tạm ứng thi công công trình	48.534.352.740	142.800.000.000
Nhận hoàn trả lại vốn thi công	4.000.000.000	47.000.000.000
Chi phí thi công dự án Thủ Thiêm	27.630.461.396	74.063.509.486
Chi phí thi công văn phòng	-	1.307.716.373
Thu tiền bán đá granite và thuê thiết bị trong năm	24.323.897.000	10.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.1. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia (tính đến thời điểm thanh lý công ty con)		
Cổ tức đã nhận được trong năm	-	25.920.000.000
Thanh toán tiền mua vật tư và các khoản công nợ trong năm	18.104.592.287	2.603.502.200
Mua vật tư trong năm	137.814.000	534.052.000
Khối lượng thi công văn phòng Công ty	-	2.104.487.040
Thu tiền cho thuê thiết bị	-	-
Nhận tiền từ công ty con	-	9.080.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Chuyển vốn hợp tác đầu tư	200.000.000.000	-
Thu hồi vốn hợp tác đầu tư	200.000.000.000	-
Thu lãi trái phiếu trong năm	12.000.000.000	12.166.666.667
Thu tiền khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	2.000.000.000	81.667.383.719
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận		
Thu tiền giá trị quyết toán còn lại	7.395.018.934	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Thu tiền thi công dự án Thủ Thiêm	17.116.780.545	106.926.790.689
Chuyển trả tiền dư	-	2.674.063.052
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG		
Thu tiền thi công dự án DT741	21.160.418.954	8.101.701.606
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Thu tiền thi công dự án Quốc lộ 60	116.210.111.614	187.014.602.569
Thu hộ tiền thi công dự án Quốc lộ 60 cho các bên liên doanh	38.144.804.582	65.972.812.150
Tiền đi vay nhận được trong năm	22.000.000.000	12.000.000.000
Chuyển trả lại tiền vay trong năm	19.000.000.000	7.000.000.000
Lãi vay đã thanh toán trong năm	225.134.723	45.047.222

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.1. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận		
Tiền đi vay nhận được trong năm	25.000.000.000	149.000.000.000
Chuyển trả lại tiền vay trong năm	25.484.965.262	1.337.883.000
Lãi đi vay nhập vào nợ gốc vay	2.650.384.766	7.097.290.196
Cần trừ tiền thi công vào nợ gốc vay	130.980.409.900	25.944.416.800
Tiền thi công dự án nhận được trong năm	215.758.518.269	56.337.883.000
Lãi vay đã thanh toán trong năm	568.925.496	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy		
Tiền thi công dự án nhận được trong năm	11.802.941.079	-
Tiền đi vay nhận được trong năm	9.500.000.000	-
Chuyển trả lại tiền vay trong năm	9.500.000.000	-
Lãi vay đã trả trong năm	194.684.932	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	963.041.095	2.147.868.117

7.2. Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2. Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng như sau:

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	768.622.798.591	880.629.202.765
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(79.499.531.006)	(28.000.366.689)
Nợ thuần	689.123.267.585	852.628.836.076
Vốn chủ sở hữu	432.898.652.157	430.822.899.804
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	159,19%	197,91%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.499.531.006	28.000.366.689
Các khoản cho vay	454.979.594.156	601.712.999.030
Phải thu khách hàng	121.693.178.311	105.589.223.823
Phải thu khác	35.969.191.124	73.298.295.594
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	105.000.000.000	232.610.000.000
Cộng	917.141.494.597	1.041.210.885.136
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	86.916.354.156	136.481.913.049
Chi phí phải trả	14.081.115.557	1.903.882.838
Phải trả khác	33.294.367.454	39.084.726.311
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	768.622.798.591	880.629.202.765
Cộng	902.914.635.758	1.058.099.724.963

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6/11/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2. Công cụ tài chính – Quản lý rủi ro (tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2. Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Phải trả người bán	86.916.354.156	-	-	86.916.354.156
Phải trả khác	33.294.367.454	-	-	33.294.367.454
Chi phí phải trả	14.081.115.557	-	-	14.081.115.557
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	750.735.298.591	17.887.500.000	-	768.622.798.591
Cộng	885.027.135.758	17.887.500.000	-	902.914.635.758
Tại ngày 01/01/2019				
Phải trả người bán	136.481.913.049	-	-	136.481.913.049
Phải trả khác	39.084.726.311	-	-	39.084.726.311
Chi phí phải trả	1.903.882.838	-	-	1.903.882.838
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	622.399.727.588	258.229.475.177	-	880.629.202.765
Cộng	799.870.249.786	258.229.475.177	-	1.058.099.724.963

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2. Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.499.531.006	-	-	79.499.531.006
Các khoản cho vay	454.979.594.156	-	-	454.979.594.156
Phải thu khách hàng	121.693.178.311	-	-	121.693.178.311
Phải thu khác	35.558.628.983	410.562.141	-	35.969.191.124
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120.000.000.000	-	-	120.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	105.000.000.000	105.000.000.000
Cộng	811.730.932.456	410.562.141	105.000.000.000	917.141.494.597
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.000.366.689	-	-	28.000.366.689
Các khoản cho vay	601.712.999.030	-	-	601.712.999.030
Phải thu khách hàng	105.589.223.823	-	-	105.589.223.823
Phải thu khác	50.515.443.453	22.782.852.141	-	73.298.295.594
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	120.000.000.000	112.610.000.000	232.610.000.000
Cộng	785.818.032.995	142.782.852.141	112.610.000.000	1.041.210.885.136

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.3. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 21 tháng 1 năm 2020, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội đã thông báo mua lại trước hạn trái phiếu HNHC_17 mà Công ty đang nắm giữ (đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2022) với giá trị 120 tỷ VND. Đến ngày 28 tháng 2 năm 2020, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội đã hoàn tất thực hiện việc mua lại trái phiếu này.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

7.4. Cơ sở hoạt động liên tục

Với tình hình tài chính hiện tại, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng chắc chắn rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tới. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

7.5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc



Phùng Văn Hiền